TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 56/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- Khoái Châu, ngày 14 tháng 04 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2023/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2023, giữa:

*/ **Nguyên đơn: Chị Lê Thị T**, sinh năm 1998.
Sinh và trú tại: Thôn P, xã T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Đăng kí KHTT: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*/ **Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1994.
Sinh trú quán và KHTT tại: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

***/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 03/12/2018.

Đều đăng kí KHTT và trú tại: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Giám hộ cho cháu L là anh Nguyễn Văn T2 – bố đẻ của cháu,

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn Nhân Gia Đình 2014; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 04 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T2.

2/ **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

/ Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Văn L, sinh ngày 03/12/2018 cho anh Nguyễn Văn T2 tiếp tục nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị T được quyền chăm nom, chăm sóc và quyền xin thay đổi việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- ***Về tài sản, về công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình***: Chị T và anh T2 đều không yêu cầu đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

- ***Về án phí:*** Chị Lê Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0008177, ngày 16/03/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, nên hoàn trả lại chị Lê Thị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phú thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu hồ sơ;

Phạm Thế P